

KẾ HOẠCH

**thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023
của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới,
nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp
xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới**

Thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 42-NQ/TW) và Kế hoạch số 19-KH/TW ngày 27/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới (sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 19-KH/TW); Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sơn La ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của hệ thống chính trị và toàn xã hội về hệ thống chính sách xã hội để người dân hiểu chính sách xã hội là chính sách chăm lo cho con người, vì con người, lấy con người làm trung tâm, là chủ thể, mục tiêu, động lực, nguồn lực để phát triển bền vững đất nước.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội theo hướng toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững; xây dựng và thực hiện chính sách xã hội phải đặt trong tổng thể quản lý phát triển xã hội.

- Chú trọng huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực đúng mục tiêu, phù hợp với khả năng của địa phương, trong đó nguồn lực nhà nước đóng vai trò chủ đạo, nguồn lực của xã hội là quan trọng; kết hợp nguồn lực trong nước và ngoài nước. Nâng cao hiệu quả hợp tác giữa nhà nước, tư nhân, tổ chức xã hội, cộng đồng và Nhân dân trong quản lý, phát triển xã hội bền vững.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội đối với việc phân công, phân cấp và xác định đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, lâu dài trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW; đồng thời cụ thể hóa các quan điểm, định hướng phát triển, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu được nêu tại Nghị quyết số 42-NQ/TW phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh

2. Yêu cầu

- Các cấp ủy, tổ chức đảng và các cơ quan, đơn vị cần bám sát nội dung Nghị quyết số 42-NQ/TW, Kế hoạch số 19-KH/TW và Kế hoạch này để triển khai thực hiện nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị; huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; sự tham gia tích cực, chủ động, hiệu quả của các tầng lớp Nhân dân.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Xây dựng hệ thống chính sách xã hội theo hướng bền vững, tiến bộ và công bằng, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, góp phần cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hoàn thiện chính sách an sinh xã hội đa dạng, đa tầng, toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững; tạo cơ hội cho Nhân dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là về y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, hội nhập quốc tế gắn với việc làm bền vững; nâng cao chất lượng quản lý phát triển xã hội gắn với bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

- Bảo đảm 100% người có công và gia đình người có công với cách mạng được chăm lo toàn diện cả vật chất và tinh thần, có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

- Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị 3,5% trở lên.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng trên 40%.

- 25% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội và 14,1% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

- 24,01% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội.

- 100% hộ gia đình chăm sóc trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai, người cao tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định; bảo đảm mức sống tối thiểu cho người có hoàn cảnh khó khăn; trợ cấp xã hội cho hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo.

- Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; hoàn thành đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 3 và 4 tuổi; tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,5%, cấp trung học cơ sở đạt 95%, cấp trung học phổ thông và tương đương đạt 75%; duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

- Bảo đảm vững chắc mức sinh thay thế của quốc gia; tuổi thọ trung bình của người dân khoảng 75 tuổi, số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm; chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,7; đến năm 2030 đạt 32 giường bệnh/10.000 dân; 9,5

bác sỹ/10.000 dân; 01 được sỹ/10.000 dân, 19 điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y/10.000 dân; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 97% vào năm 2030; trên 95% người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc ban đầu tại y tế cơ sở được bảo hiểm y tế chi trả; trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; tỉ lệ tiêm chủng mở rộng đạt 95%; tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 23%; cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét.

- Xoá bỏ hoàn toàn tình trạng nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu; diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người đạt khoảng 24,6 m² sàn/người.

- 94,8% hộ gia đình ở thành thị và 65% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; 100% hộ gia đình, trường học, trạm y tế có công trình phụ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn; 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 15% nước thải sinh hoạt được xử lý.

- Có ít nhất 75% người dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới; 80% các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hoá, nghệ thuật.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho Nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đất nước và xây dựng con người Việt Nam toàn diện. Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt trên 0,7.

III- Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

1. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của chính sách xã hội

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vai trò đặc biệt quan trọng, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chính sách xã hội trong giai đoạn mới cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nhất là người đứng đầu. Khẳng định quyết tâm xây dựng và thực hiện chính sách xã hội theo hướng bền vững; phát huy những giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá nhân loại, tạo động lực góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, vận động với hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực, hiệu quả; kịp thời khen thưởng, biểu dương các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách xã hội, tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay, điển hình tiên tiến.

2. Nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước về chính sách xã hội

Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong tổ chức thực hiện; đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng bảo đảm công khai, minh bạch, nêu cao trách nhiệm giải trình, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân tiếp cận chính sách xã hội; tăng cường vai trò giám sát của Nhân dân; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi trục lợi chính sách, vi phạm pháp luật. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của Nhân dân làm tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức liên quan đến thực hiện chính sách xã hội.

Hiện đại hoá công tác quản lý nhà nước; đẩy mạnh chuyển đổi số, số hoá quy trình quản lý và tổ chức thực hiện chính sách. Từng bước áp dụng mã số an sinh xã hội cho người dân, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành liên quan đến chính sách xã hội, bảo đảm liên thông, an toàn, bảo mật thông tin chung và dữ liệu cá nhân. Đẩy mạnh công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội thông qua cơ chế quản lý, cập nhật, chia sẻ dữ liệu và thông tin trên nền tảng số.

Đổi mới cơ chế huy động nguồn lực thực hiện chính sách xã hội theo hướng linh hoạt, hiệu quả; nguồn lực nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đồng thời huy động hợp lý nguồn lực xã hội và hợp tác quốc tế; tăng cường xã hội hoá, hợp tác công - tư trong thực hiện chính sách xã hội.

3. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

Chú trọng thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần người có công, nhất là người ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, người gặp khó khăn trong cuộc sống. Có chính sách ưu tiên trong chăm sóc sức khỏe, nhà ở, giáo dục - đào tạo, việc làm, sản xuất và tạo thuận lợi cho người có công và thân nhân tiếp cận các dịch vụ xã hội. Bảo đảm người có công và gia đình người có công phải có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

Cơ bản hoàn thành việc giải quyết tồn đọng trong chính sách người có công, nhất là tìm kiếm, xác định danh tính hài cốt liệt sĩ; xây dựng, tu bổ, tôn tạo mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ, các công trình ghi công liệt sĩ. Phát huy truyền thống đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", khuyến khích tổ chức, cá nhân và toàn xã hội tích cực tham gia các phong trào "Đền ơn đáp nghĩa".

4. Phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động

Tiếp tục thực hiện mục tiêu giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tích cực giảm dần tỷ lệ lao động nông nghiệp tăng dần tỷ lệ lao động trong lĩnh vực phi nông nghiệp; tăng cường công tác thông tin thị trường lao động, tạo môi trường thuận lợi cho gắn kết cung, cầu lao động, tạo điều kiện cho người lao động tiếp cận về vốn để tổ chức sản xuất tạo việc làm tăng thu nhập, thúc đẩy công tác giải quyết việc làm cho người lao động đảm bảo tính bền vững, thu nhập ổn định. Tăng cường các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm của hệ thống Trung tâm Dịch vụ việc làm; đa dạng hoá các hoạt động giao dịch việc làm.

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 29/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; phát triển về quy mô đi đôi với nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy nghề theo 3 cấp trình độ nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chuyển đổi cơ cấu lao động. Đa dạng hoá các hình thức, các phương pháp

dạy nghề phù hợp với đối tượng học nghề và yêu cầu sản xuất; phát triển mạnh các hình thức dạy nghề cho lao động nông thôn, ưu tiên đào tạo nhân lực cho các dân tộc thiểu số và các vùng đặc biệt khó khăn bằng các hình thức phù hợp và chuyển dịch cơ cấu lao động, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho học sinh ngay từ cấp trung học cơ sở.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền theo hướng thường xuyên và liên tục, đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền nhằm bảo đảm các đối tượng tiếp cận đầy đủ thông tin, qua đó nâng cao nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể và mọi người dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của chính sách bảo hiểm xã hội. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 105-KH/TU ngày 07/8/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành TW Đảng khoá XIII về cải cách chính sách Bảo hiểm xã hội.

5. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, không để ai bị bỏ lại phía sau

Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, có tính chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội, người dân và giữa các nhóm dân cư, bảo đảm bền vững và công bằng xã hội. Chú trọng phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại, hội nhập quốc tế, bao phủ được toàn bộ lực lượng lao động; tiếp tục cải cách, mở rộng hệ thống bảo hiểm xã hội, tạo cơ hội tham gia và bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người lao động. Thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động và thành viên của các tổ chức kinh tế tập thể làm việc theo hợp đồng, hưởng tiền lương, tiền công theo quy định của pháp luật. Có chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho nông dân, người nghèo, người thu nhập thấp, lao động khu vực phi chính thức tham gia. Tiếp tục mở rộng, nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế toàn dân; đa dạng các gói dịch vụ bảo hiểm y tế nhằm góp phần chăm sóc sức khoẻ nhân dân, giảm chi phí người dân chi trả trực tiếp cho dịch vụ y tế.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; ban hành chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia. Nâng cao hiệu quả tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo để chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động thất nghiệp.

Phát triển mạng lưới dịch vụ trợ giúp xã hội đối với trẻ em, người khuyết tật và người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; xây dựng đội ngũ làm công tác xã hội chuyên nghiệp; đẩy mạnh công tác phòng ngừa, phát hiện, can thiệp sớm, hỗ trợ kịp thời người gặp khó khăn trong cuộc sống, góp phần xây dựng cộng đồng phát triển bền vững. Đổi mới việc huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trợ giúp xã hội, cứu trợ khẩn cấp; quản lý, sử dụng quỹ cứu trợ xã hội từ thiện, nhân đạo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng pháp luật.

Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững theo hướng đa chiều, bao trùm, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ xã hội cơ bản; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc

sống lâu dài cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

6. Bảo đảm người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản

Về giáo dục: Nâng cao chất lượng giáo dục, đa dạng hoá mô hình, chương trình đào tạo, phương thức học tập phù hợp với người học. Củng cố kết quả phổ cập giáo dục, xoá mù chữ, từng bước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 3 và 4 tuổi. Chú trọng phát triển mạng lưới trường lớp, nhất là ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, khu đông dân cư. Tăng cường giáo dục hoà nhập cộng đồng cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý giáo dục và hoạt động của giáo viên. Thúc đẩy chủ trương xã hội hoá góp phần hỗ trợ khu vực công thực hiện mục tiêu giáo dục, đào tạo.

Về y tế: Xây dựng hệ thống y tế chất lượng, bảo đảm điều kiện tiếp cận và chăm sóc sức khoẻ cho người dân hướng tới bảo hiểm y tế toàn dân. Chú trọng phát triển mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chăm sóc sức khoẻ tâm thần, chăm sóc sức khoẻ phụ nữ mang thai, bà mẹ và trẻ em; khám sức khoẻ định kỳ cho Nhân dân; quản lý các bệnh mạn tính đối với người cao tuổi. Thực hiện có hiệu quả chính sách dinh dưỡng, giải quyết tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và biên giới; nâng cao tầm vóc, thể lực người Việt Nam; bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. Nâng cao chất lượng dự báo, giám sát, phát hiện, phòng ngừa có hiệu quả dịch bệnh, bảo đảm an ninh y tế; phát triển y tế học đường, y học gia đình. Tăng cường chuyển đổi số trong công tác quản lý, trong quản lý hồ sơ sức khoẻ điện tử, bảo hiểm y tế.

Về phát triển văn hoá: Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, văn minh; khôi phục, bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá vật thể, phi vật thể của các dân tộc trong tỉnh; đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động văn hóa, gắn việc khai thác các giá trị văn hóa với quảng bá hình ảnh và xúc tiến du lịch, đưa sản phẩm văn hóa trở thành nguồn lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hoá giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền và các giai tầng xã hội.

Về thông tin: Thực hiện chính sách, pháp luật về quyền tiếp cận thông tin theo hướng bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận và bảo vệ người dân, đặc biệt là trẻ em, nhóm yếu thế được an toàn trên môi trường mạng. Tăng cường phổ cập dịch vụ viễn thông, hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin, công nghệ số. Thiết lập các cụm thông tin điện tử, dịch vụ thông tin công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền tại các cửa khẩu, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới.

Về nhà ở: Xác định việc phát triển nhà ở là một trong những nội dung quan trọng của chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; trong đó, từng bước nêu cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, hệ thống chính trị, nhất là chính quyền địa phương trong thực hiện chủ trương của Đảng và Chiến lược phát triển nhà ở

quốc gia tại Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ nhằm đảm bảo quyền lợi người dân về chỗ ở, đảm bảo chất lượng nhà ở an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; thực hiện lồng ghép các chương trình mục tiêu của Trung ương và địa phương để phát triển hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng chính sách xã hội, người thu nhập thấp và người nghèo gặp khó khăn về nhà ở nhằm góp phần ổn định chính trị, đảm bảo an sinh xã hội và phát triển đô thị, nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại, đảm bảo tiết kiệm nguồn lực, đặc biệt là tài nguyên đất đai. Tập trung triển khai thực hiện Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Sơn La đến năm 2030 (đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 223/NQ-HĐND ngày 28/8/2023; UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 07/9/2023), quan tâm tới phát triển nhà ở xã hội. Tập trung triển khai thực hiện Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030”.

Về nước sạch, vệ sinh môi trường: Tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng nguồn nước vùng đầu nguồn để trồng trọt, canh tác, sản xuất, ưu tiên, chia sẻ nguồn nước phục vụ cho mục đích cấp nước sinh hoạt; giúp nhân dân hiểu rõ quy định pháp luật trong việc bảo vệ, giữ gìn tài sản nhà nước, bảo vệ hành lang an toàn tuyến ống nước thô, đường ống truyền tải nước sạch, các công trình kỹ thuật và mạng lưới cấp nước, đảm bảo duy trì nguồn nước ổn định, liên tục và an toàn. Đôn đốc, chỉ đạo các doanh nghiệp cấp nước thực hiện đúng thỏa thuận dịch vụ đã ký kết với chính quyền địa phương; thực hiện nghiêm các nghĩa vụ theo quy định của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch. Đặc biệt quan tâm, thực hiện các biện pháp đảm bảo chất lượng nguồn nước, để đảm bảo cấp nước an toàn; nghiên cứu mở rộng mạng lưới cấp nước tới các hộ dân chưa được sử dụng nước sạch theo danh sách đã được rà soát, tiến tới phủ kín mạng lưới cấp nước theo phân vùng dịch vụ.

Trên cơ sở quy định pháp luật, nghiên cứu, tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành chính sách hỗ trợ sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đối với các đối tượng khó khăn, đối tượng chính sách xã hội và địa phương khó tiếp cận hệ thống cấp nước.

Thực hiện nghiêm chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo vệ môi trường khu dân cư nhằm cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của Nhân dân. Lồng ghép, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong phát triển kinh tế - xã hội; ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ suy thoái, ô nhiễm môi trường, nhất là vấn đề rác thải, khí thải, nước thải.

7. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội

Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, liên thông, liên tục, chuyên nghiệp, đáp ứng cơ bản nhu cầu và tăng khả năng tiếp cận cho các nhóm đối tượng, nhất là người có hoàn cảnh khó khăn, người di cư, đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng đội ngũ nhân viên làm công tác xã hội hiểu biết pháp luật, có phẩm chất đạo đức, tận tâm, hoạt động chuyên nghiệp. Nâng cao chất lượng các dịch vụ việc làm, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội và hệ thống cơ sở dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng người có công với cách mạng, trẻ em mồ côi, người cao tuổi,

người khuyết tật không nơi nương tựa. Phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc xã hội tại cộng đồng, mô hình chăm sóc và trợ giúp xã hội ngoài công lập; phát huy vai trò của gia đình trong chăm sóc, bảo vệ người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em. Đẩy mạnh việc chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng chính sách trên cơ sở kết nối, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

8. Đẩy mạnh hợp tác và tranh thủ nguồn lực quốc tế trong thực hiện chính sách xã hội

Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật của các nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế cho chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ hướng tới việc làm bền vững, nâng cao năng suất lao động, bảo đảm an sinh xã hội, trợ giúp xã hội. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực có sức cạnh tranh trong khu vực và trên thế giới, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Khuyến khích nguồn lực quốc tế hỗ trợ, đầu tư phát triển các dịch vụ xã hội, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước, phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường xuyên biên giới.

9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, hội quần chúng trong thực hiện chính sách xã hội

Tăng cường nhận thức, trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, hệ thống chính trị các cấp, nhất là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thực hiện chính sách xã hội.

Hội đồng nhân dân các cấp tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về chính sách xã hội, trên cơ sở đó sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các tổ chức hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thường xuyên lắng nghe, phản ánh, phối hợp giải quyết tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; nâng cao chất lượng hoạt động giám sát và phản biện xã hội; tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận của hội viên, đoàn viên và Nhân dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phối hợp vận động nguồn lực, khuyến khích tổ chức, cá nhân phát triển các loại hình cung cấp dịch vụ xã hội và tích cực tham gia thực hiện chính sách xã hội.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo

Xây dựng kế hoạch thực hiện; phân công các thành viên Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, Kế hoạch số 19-KH/TW và Kế hoạch này đảm bảo thiết thực, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh; theo chức năng, nhiệm vụ giao trách nhiệm cụ thể cho các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, Kế hoạch số 19-KH/TW và Kế hoạch này;

thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện của các cơ quan, đơn vị; định kỳ hằng năm (trước ngày 15/12) tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện với Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

2. Giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

2.1. Chỉ đạo, định hướng các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh tuyên truyền việc triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 42-NQ/TW, Kế hoạch số 19-KH/TW và Kế hoạch này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các hội nghị báo cáo viên, tuyên truyền viên và các buổi sinh hoạt thường kỳ của các tổ chức chính trị - xã hội.

2.2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát và đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, Kế hoạch số 19-KH/TW và Kế hoạch này; tham mưu việc sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW theo quy định.

3. Các đảng đoàn, ban cán sự đảng; các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tổ chức nghiên cứu, quán triệt, chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, Kế hoạch số 19-KH/TW và Kế hoạch này, hoàn thành trong quý I/2024; tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá, định kỳ sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW và Kế hoạch này; hằng năm (trước ngày 15/12) báo cáo kết quả với Thường trực Tỉnh ủy (qua Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh).

4. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn

4.1. Xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, Kế hoạch số 19-KH/TW và Kế hoạch này; phát huy vai trò phản biện xã hội, tham gia xây dựng cơ chế, chính sách về các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

4.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tiếp tục thực hiện tốt các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng (b/c),
- Các ban, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Văn phòng Tỉnh ủy,
- Lưu VPTU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Lò Minh Hùng